

UBND HUYỆN ĐAK ĐOA
**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ
BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /HĐPHPBGDPL

Đak Doa, ngày 14 tháng 4 năm 2020

V/v phổ biến Nghị định số 15/2020/NĐ-CP
ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử
phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu
chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công
nghệ thông tin và giao dịch điện tử

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Hội Luật gia huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 07/HĐPHPBGDPL ngày 13/4/2020 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh về việc phổ biến Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

Ngày 03/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (Nghị định); có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2020.

Để kịp thời thông tin, phổ biến nội dung Nghị định tới các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện cung cấp Đề cương giới thiệu một số quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử do Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh biên soạn. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai một số nội dung sau:

1. Triển khai phổ biến nội dung của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Theo đó, cần lựa chọn nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) phù hợp, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL để chuyển tải nhanh chóng thông tin pháp luật đến đối tượng thụ hưởng. Nội dung PBGDPL cần đảm bảo tính ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện.

2. Tham khảo Đề cương giới thiệu một số quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.gialai.gov.vn>.

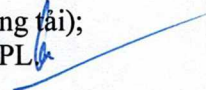
3. Đề nghị Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện tăng thời lượng, lồng ghép phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử trên chuyên trang, chuyên mục của đài nhằm cập nhật, thông tin để mọi người dân biết và thực hiện.

4. Việc triển khai thực hiện phải tuân thủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương; của tỉnh và của huyện liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về phòng Tư pháp - Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện (SĐT: 02693831013) để phối hợp tháo gỡ kịp thời.

(Gửi kèm theo đề cương phổ biến Nghị định số 15/2020/NĐ-CP và Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Trang TTĐT huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, HĐPHPBGDPL 

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Hoàng Nhun**

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG, TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Ngày 03/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2020.

I. ĐỐI TƯỢNG BỊ XỬ PHẠT, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

1. Đối tượng bị xử phạt

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP này.

- Tổ chức là đối tượng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này bao gồm:

+ Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử;

+ Đại lý cung cấp dịch vụ: bưu chính; viễn thông; trò chơi điện tử trên mạng;

+ Đại lý Internet là tổ chức;

+ Đại diện, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài; chi nhánh của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính;

+ Điểm cung cấp dịch vụ: viễn thông; trò chơi điện tử công cộng;

+ Điểm truy nhập Internet công cộng;

+ Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;

+ Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền thanh, truyền hình sử dụng tần số vô tuyến điện;

+ Đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp sử dụng tần số vô tuyến điện;

+ Tổ chức phi chính phủ nước ngoài sử dụng tần số vô tuyến điện;

+ Nhà đăng ký tên miền;

+ Đơn vị vận hành hệ thống thông tin;

+ Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

+ Các tổ chức khác không phải là cơ quan nhà nước vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: (1) Bưu chính; (2) Viễn thông, bao gồm: kinh doanh dịch vụ viễn

thông; thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ; quy hoạch, thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình viễn thông; quy hoạch, quản lý và sử dụng tài nguyên viễn thông, Internet; quản lý chất lượng và dịch vụ viễn thông; (3) Tần số vô tuyến điện; (4) Công nghệ thông tin, bao gồm: phát triển công nghiệp công nghệ thông tin; đầu tư, mua sắm; an toàn thông tin mạng; chống thư rác, tin nhắn rác; mạng xã hội, trang thông tin điện tử, trò chơi điện tử trên mạng, trò chơi điện tử công cộng; (5) Giao dịch điện tử.

2. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

** Hình thức xử phạt chính:*

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền.

** Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau:*

- Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng đối với giấy phép: Bưu chính, Giấy phép Viễn thông, Giấy phép thiết lập mạng viễn thông, Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng, Giấy phép thiết lập mạng xã hội, Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử;

- Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;
- Trục xuất.

** Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:*

- Buộc nộp lại tổng số tiền tương đương tổng số tiền đã được nạp vào tài khoản chính của Bộ xác định thuê bao (SIM), trường hợp không thể xác định chính xác, số tiền phải nộp lại trên mỗi SIM được áp dụng theo công thức: 100.000 đồng nhân với số tháng vi phạm;

- Buộc thay đổi mục đích sử dụng hoặc tái chế;
- Buộc thu hồi số thuê bao, đầu số, kho số viễn thông;
- Buộc thu hồi tài nguyên Internet, tên miền, địa chỉ Internet (IP), số hiệu mạng (ASN);
- Buộc thu hồi mã số quản lý, số cung cấp dịch vụ;
- Buộc hoàn trả địa chỉ IP, ASN, tên miền;

- Buộc nộp lại phí sử dụng tần số trong thời gian sử dụng tần số không có giấy phép hoặc sử dụng sai nghiệp vụ, phương thức phát;
- Buộc nộp lại chứng chỉ vô tuyến điện viên;
- Buộc hoàn trả lại bưu gửi;
- Buộc thanh toán đầy đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng tài nguyên Internet;
- Buộc tái xuất vật phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu, tem bưu chính;
- Buộc thu hồi kinh phí đã chi không đúng;
- Buộc hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;
- Buộc nộp lại văn bản cho phép thực hiện hoạt động gia công, sửa chữa sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng;
- Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn, thông tin vi phạm pháp luật.
- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép do vi phạm quy định của pháp luật.

II. CÁC HÀNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BƯU, CHÍNH VIỄN THÔNG, TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính

- Vi phạm các quy định về Giấy phép bưu chính;
- Vi phạm các quy định về thông báo hoạt động bưu chính;
- Vi phạm các quy định về hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính;
- Vi phạm các quy định về cung ứng, sử dụng dịch vụ và báo cáo bưu chính;
- Vi phạm các quy định về vật phẩm, hàng hóa không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính;
- Vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính;
- Vi phạm các quy định về thay đổi họ tên, địa chỉ người nhận; chuyển tiếp, chuyển hoàn, rút lại bưu gửi; bưu gửi không có người nhận;
- Vi phạm các quy định về mạng bưu chính công cộng;
- Vi phạm các quy định về chất lượng, giá cước dịch vụ bưu chính;
- Vi phạm các quy định về tem bưu chính.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, internet

2.1. Hành vi vi phạm về Giấy phép viễn thông gồm:

- Vi phạm các quy định về Giấy phép viễn thông;

- Vi phạm các quy định về công bố, thay đổi nội dung trong giấy phép;
- Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng;
- Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

2.2. Hành vi vi phạm về kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông gồm:

- Vi phạm các quy định về đại lý dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm các quy định về sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông;
- Vi phạm các quy định về sở hữu trong kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm các quy định về cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm các quy định về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2.3. Hành vi vi phạm về thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông gồm:

- Vi phạm các quy định về thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm các quy định về dịch vụ viễn thông công ích;
- Vi phạm các quy định về chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số;
- Vi phạm các quy định về ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm các quy định về liên lạc nghiệp vụ;
- Vi phạm các quy định về dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định;
- Vi phạm các quy định về dịch vụ viễn thông khẩn cấp và báo hỏng số thuê bao điện thoại cố định;
- Vi phạm các quy định về đổi số thuê bao viễn thông;
- Vi phạm các quy định về giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao;
- Vi phạm các quy định về lập hóa đơn, doanh thu giá cước và thanh toán cước viễn thông;
- Vi phạm các quy định về điểm truy nhập Internet công cộng.

2.4. Hành vi vi phạm về kết nối, chia sẻ cơ sở hạ tầng, công trình viễn thông gồm:

- Vi phạm các quy định về kết nối mạng viễn thông công cộng;

- Vi phạm các quy định về kết nối mạng viễn thông dùng riêng;
- Vi phạm các quy định về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Vi phạm các quy định về lập và thực hiện quy hoạch công trình viễn thông thụ động;
- Vi phạm các quy định về thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình viễn thông;
- Vi phạm các quy định về sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật;
- Vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông.

2.5. Hành vi vi phạm về tài nguyên viễn thông, internet gồm:

- Vi phạm về quy hoạch, quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông;
- Vi phạm các quy định về đăng ký, sử dụng tên miền Internet;
- Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền Internet;
- Vi phạm các quy định về đăng ký, sử dụng địa chỉ IP và ASN;
- Vi phạm các quy định về đăng ký và cấp phát tên miền chung mới cấp cao nhất (NewgTLD);
- Vi phạm các quy định về chuyển nhượng, thuê và cho thuê kho số viễn thông;
- Vi phạm các quy định về đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông;
- Vi phạm các quy định về chuyển nhượng quyền sử dụng tài nguyên Internet, đấu giá quyền sử dụng tài nguyên Internet.

2.5. Hành vi vi phạm về chất lượng viễn thông gồm:

- Vi phạm các quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy;
- Vi phạm các quy định về cung cấp số liệu viễn thông;
- Vi phạm quy định về chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;
- Vi phạm quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện;

2.6. Hành vi vi phạm về giá cước, khuyến mại trong viễn thông gồm:

- Vi phạm quy định về giá cước viễn thông;
- Vi phạm quy định về khuyến mại đối với dịch vụ viễn thông, hàng hóa viễn thông chuyên dùng;

3. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện

3.1. Hành vi vi phạm về giấy phép và sử dụng tần số vô tuyến điện gồm:

- Vi phạm quy định về giấy phép;
- Vi phạm quy định về sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện;
- Vi phạm quy định về đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;

- Vi phạm quy định về thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;-
- Vi phạm các quy định về chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện-
- Vi phạm quy định về thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện;
- Vi phạm quy định về sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng thiết bị vô tuyến điện được miễn Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện;
- Vi phạm các quy định về Chứng chỉ vô tuyến điện viên;
- Vi phạm các quy định về sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trong trường hợp khẩn cấp;
- Vi phạm quy định về quy hoạch tần số vô tuyến điện.

3.2. Hành vi vi phạm về chất lượng phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ gồm:

- Vi phạm các quy định về quản lý chất lượng phát xạ vô tuyến điện;
- Vi phạm quy định về quản lý an toàn bức xạ vô tuyến điện;
- Vi phạm quy định về quản lý tương thích điện từ.

3.3. Hành vi vi phạm về xử lý nhiễu có hại gồm:

- Vi phạm quy định về gây nhiễu có hại.

3.4. Hành vi vi phạm về đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh gồm:

- Vi phạm quy định về đăng ký quốc tế về tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh;
- Vi phạm quy định về tham gia phối hợp quốc tế.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin

4.1. Hành vi vi phạm về các biện pháp đảm bảo ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin gồm:

- Vi phạm các quy định về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin;
- Vi phạm các quy định về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;
- Vi phạm quy định về nhập khẩu, gia công tái chế, sửa chữa sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu;
- Vi phạm quy định về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

4.2. Hành vi vi phạm về an toàn thông tin mạng gồm:

- Vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn thông tin và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng;
- Vi phạm quy định về an toàn, an ninh trong giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số, chứng thư số;
- Vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng trái phép thông tin trên mạng;
- Vi phạm quy định về sử dụng mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;
- Vi phạm quy định về quản lý gửi thông tin trên mạng;
- Vi phạm quy định về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại;
- Vi phạm quy định về thu thập, sử dụng thông tin cá nhân;
- Vi phạm quy định về cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ thông tin cá nhân;
- Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng;
- Vi phạm quy định về biện pháp giám sát an toàn, bảo vệ hệ thống thông tin;
- Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;
- Vi phạm quy định về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng;
- Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn tài nguyên viễn thông;
- Vi phạm quy định về kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng;
- Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;

4.3 . Hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội dung gồm:

- Vi phạm quy định liên quan tới thư điện tử, tin nhắn cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ;
- Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn;
- Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;
- Vi phạm quy định về thu cước dịch vụ.

4.4. Hành vi vi phạm về thông tin trên mạng gồm:

- Vi phạm quy định về Giấy phép thiết lập mạng xã hội;
- Vi phạm quy định về trang thông tin điện tử;-
- Vi phạm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội;
- Vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội;

- Vi phạm quy định về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin;
- Vi phạm quy định về giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký, quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử trên mạng;
- Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- Vi phạm quy định về điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
- Vi phạm quy định về người chơi.

5. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao dịch điện tử

- Vi phạm các quy định về điều kiện hoạt động;
- Vi phạm các quy định về quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng;
- Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và chứng thư số;
- Vi phạm quy định về sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và chứng thư số;
- Vi phạm quy định về giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam;
- Vi phạm quy định về phí, lệ phí.

6. Hành vi vi phạm hành chính về giải quyết tranh chấp

- Vi phạm quy định về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, bồi thường thiệt hại trong cung ứng dịch vụ;

III. QUY ĐỊNH VỀ MỨC PHẠT TIỀN VÀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

- Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực: bưu chính và giao dịch điện tử đối với cá nhân là 40.000.000 đồng.
- Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực: viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin đối với cá nhân là 100.000.000 đồng.
- Mức phạt tiền quy định từ Chương II đến Chương VII tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, trừ quy định tại Điều 106 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

- Thẩm quyền phạt tiền quy định tại Chương VIII Nghị định số 15/2020/NĐ-CP là thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm của tổ chức; đối với hành vi vi phạm của cá nhân, thẩm quyền phạt tiền bằng 1/2 thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra

2.1. Thanh tra viên và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền nêu trên;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2.2. Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục Tần số vô tuyến điện, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Trung tâm Tần số khu vực có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;
- Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền nêu trên;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

- Tước quyền sử dụng Giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

3.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

- Tước quyền sử dụng Giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

4.1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

4.2. Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 2.400.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

4.3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

4.4. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

- Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

4.5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

- Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;

- Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

5. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

5.1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

5.2. Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

5.3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

5.4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn Biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;
- Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

6. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

6.1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 800.000

đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

6.2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định./.